

Bản án số: 45/2025/DS-PT
Ngày 05-6-2025
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp.

Các Thẩm phán: Bà Ngô Thị Thuỳ Linh

Ông Phạm Hữu Trường

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Hoàng Trần Trọng An - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Đồng Thị Phương Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 24/2025/TLPT-DS ngày 10 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 13 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2025/QĐ-PT ngày 25 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2025/TB-TA ngày 29 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Ông Lê Xuân Ng, sinh năm 1952; địa chỉ: Thôn Tân Thắng, xã Vinh Quang, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- Ông Lê Tất L, sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn Đồn Nam, xã Vinh Quang, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng, có mặt.

2. Bị đơn:

- Ông Lê Văn Th, sinh năm 1940; vắng mặt;

- Ông Lê Tất Lựu, sinh năm 1960; vắng mặt;

- Ông Lê Tất Viên, sinh năm 1969, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn Đồn Nam, xã Vinh Quang, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Thị Ráp, sinh năm 1955, địa chỉ: Số 634 Phan Văn Trị, phường 10, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt;

Người đại diện của bà Ráp: Ông Lê Tất L, sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn Đồn Nam, xã Vinh Quang, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 02 tháng 3 năm 2024); có mặt;

- Bà Lê Thị Tâm, sinh năm 1964, địa chỉ: Thôn Thái Sinh, xã Vinh Quang, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

Người đại diện cho bà Tâm: Ông Lê Tất L, sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn Đồn Nam, xã Vinh Quang, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 16 tháng 01 năm 2024); có mặt;

- Bà Trần Thị Xanh, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn Đồn Nam, xã Vinh Quang, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- Bà Vũ Thị Huyền, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn Đồn Nam, xã Vinh Quang, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Ông Lê Xuân Ng và ông Lê Tất L là nguyên đơn;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Lê Văn Ng và ông Lê Tất L trình bày:

Năm 1944, cụ Lê Tất Chiến (tên gọi khác là Lê Văn Chiến) và cụ Nguyễn Thị Nồn (tên gọi khác là Nguyễn Thị Nồn) lấy nhau và sinh được 08 người con, gồm: Ông Lê Văn Th, ông Lê Văn Thao (liệt sỹ, không có vợ con), bà Lê Thị Ráp, ông Lê Xuân Ng, ông Lê Tất L, ông Lê Tất Lự, bà Lê Thị Tâm và ông Lê Tất Viên. Hai cụ không có con riêng, con nuôi.

Năm 2002, cụ Chiến chết, năm 2018 cụ Nồn chết, đều không có di chúc. Di sản các cụ để lại gồm:

Diện tích đất nông nghiệp 1.875m², tại các thửa đất số 53, 12, tờ bản đồ số 09 tại thôn Đồn Nam, xã Vinh Quang, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng (trong đó, thửa đất số 53 có diện tích 292,0m², thửa đất số 12 có diện tích 1.583m²), đã được Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) huyện Tiên Lãng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây gọi tắt là GCNQSDĐ) số D0103380, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 00269/QSDĐ ngày 28 tháng 4 năm 1995, tên chủ sử dụng là ông Lê Tất Chiến.

Diện tích đất 720m² (trong đó có 200m² đất ở và 520m² đất vườn tạp), tại thửa đất số 645, tờ bản đồ số 22, địa chỉ: Thôn Đồn Nam, xã Vinh Quang, huyện Tiên Lãng, đã được UBND huyện Tiên Lãng cấp GCNQSDĐ số M 046871, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00599/QSDĐ/H ngày 30 tháng 11 năm 2001, cho chủ sử dụng đất là hộ ông Lê Văn Chiến.

Trên thửa đất số 645 cụ Chiến, cụ Nồn có xây dựng 01 ngôi nhà 03 gian, lợp ngói, diện tích sử dụng khoảng 30m². Anh chị em ông Ng, ông L sinh sống cùng bố mẹ trên thửa đất này đến khi trưởng thành.

Năm 1961, ông Th đi thoát ly, xây dựng gia đình và sinh sống ở nơi khác. Năm 1973, bà Ráp đi lấy chồng. Năm 1976, ông Ng cũng đi thoát ly, xây dựng gia đình riêng và sinh sống ở nơi khác.

Năm 1978, do ngôi nhà 03 gian xuống cấp nên cụ Chiến, cụ Nỗn đã sửa chữa lại, thay các kèo nhà bằng gỗ lim, nâng nền nhà cao hơn, thay lại mái ngói; xây thêm 01 ngôi nhà 04 gian, lợp ngói, diện tích khoảng 50m² và 02 gian bếp.

Năm 1980, ông L kết hôn, vợ chồng ông L ở tại ngôi nhà 04 gian. Năm 1985, ông L đi thoát ly và sinh sống ở nơi khác, bà Tâm đi lấy chồng. Trên thửa đất trên chỉ còn cụ Chiến, cụ Nỗn, ông Lựu và ông Viên sinh sống.

Năm 1986, ông Lựu kết hôn với bà Trần Thị Xanh và ở tại ngôi nhà 04 gian, trước đây vợ chồng ông L ở.

Năm 1996, ông Viên kết hôn với bà Vũ Thị Huyền và ở tại 02 gian bếp do cụ Chiến, cụ Nỗn xây thêm năm 1978.

Năm 1992, ông Lựu có hỏi ý kiến cụ Chiến, cụ Nỗn và anh em trong gia đình để vợ chồng ông Lựu phá ngôi nhà 04 gian, lấy gạch xây dựng nhà mới, ở nhờ trên thửa đất và được hai cụ đồng ý. Ông Lựu đã xây dựng ngôi nhà lô 01 tầng, đổ mái bằng, diện tích khoảng 60m².

Năm 2000, ông Viên cũng xây dựng nhờ trên đất của bố mẹ 01 ngôi nhà cấp 4, 02 gian, lợp ngói, diện tích khoảng 15m². Năm 2020, ông Viên phá ngôi nhà này và xây dựng 01 ngôi nhà lô, 01 tầng mái bằng bê tông, diện tích khoảng 80m².

Năm 2018, sau khi cụ Nỗn chết, do ngôi nhà 03 gian xuống cấp nên ông Ng, ông L, bà Tâm, bà Ráp đã góp tiền tôn tạo lại nền nhà, sân, xây tường bao, cổng, nhà kho để đồ thờ cúng.

Tháng 9 năm 2023, các ông Th, Lựu, Viên tự ý thuê thợ cắt khóa ngôi nhà 03 gian, phá cửa nhà kho, di dời di ảnh, bát hương thờ cúng bố mẹ và bàn thờ liệt sỹ Lê Văn Thao đi nơi khác mà không hỏi ý kiến ông Ng, ông L. Các ông Th, Viên, Lựu còn thuê xe cẩu định phá toàn bộ ngôi nhà trên nhằm chiếm giữ toàn bộ diện tích đất trên của hai cụ. Tuy nhiên, ông Ng, ông L đã báo chính quyền địa phương đến L biên bản, ngăn chặn hành vi phá hoại của các ông Th, Lựu, Viên.

Đối với diện tích đất nông nghiệp, khi còn sống, cụ Chiến, cụ Nỗn là người quản lý, sử dụng. Sau khi hai cụ chết thì ông Viên, ông Lựu quản lý, sử dụng.

Toàn bộ diện tích đất nông nghiệp 1.875m² và 720m² đất ở, đất vườn tạp của cụ Chiến, cụ Nỗn để lại vẫn đứng tên chủ sử dụng là cụ Lê Tất Chiến (Lê Văn Chiến); cả hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp đối với 02 diện tích đất nêu trên do ông Th giữ.

Nay, ông Ng, ông L yêu chia di sản thừa kế của cụ Chiến, cụ Nỗn theo pháp luật, đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp 1.875m² và diện tích đất ở, đất vườn tạp 720m² (thửa đất số 645) và các tài sản gắn liền với phần đất có ngôi nhà 03 gian của hai cụ. Để đảm bảo giá trị quyền sử dụng đất sau khi chia, ông L, ông Ng đề nghị chia phần đất ở, đất vườn tạp (ở giữa) theo chiều mặt đường 212 và chia hết đất (theo chiều dọc).

Tuy nhiên, việc chia đất như vậy sẽ ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của ngôi nhà 03 gian, nên ông L, ông Ng có trách nhiệm tháo dỡ phần ngôi nhà và thanh toán giá trị phần ngôi nhà này cho người thừa kế khác được chia phần đất có phần ngôi nhà phải phá dỡ, còn phần ngôi nhà còn lại của các ông được hưởng, các ông xin tự chịu.

Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là các ông Lê Văn Th, Lê Tất Lự, Lê Tất Viên và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn là các bà Trần Thị Xanh, Vũ Thị Huyền thống nhất trình bày:

Về thời điểm chết, những người thuộc diện thừa kế của cụ Chiến, cụ Nồn như nguyên đơn trình bày cơ bản là đúng. Tuy nhiên, nguyên đơn khai cụ Chiến, cụ Nồn sinh được 08 người con là không đúng, thực tế hai cụ sinh được 09 người con, ngoài 08 người con như nguyên đơn khai, còn bà Lê Thị Nhẫn, sinh năm 1959, chết từ lúc hơn 02 tuổi.

Ông Lự, ông Viên ở với cụ Chiến, cụ Nồn từ nhỏ đến nay tại thửa đất số 645. Năm 1986, ông Lự kết hôn với bà Trần Thị Xanh và được cụ Chiến, cụ Nồn cho sử dụng ngôi nhà 04 gian do hai cụ làm từ năm 1978. Năm 1991, được sự đồng ý của hai cụ, vợ chồng ông Lự đã phá dỡ ngôi nhà 04 gian và xây dựng móng nhà, công trình phụ trên 01 phần đất ở. Năm 1992, vợ chồng ông Lự xây dựng xong nhà, mái lợp broximăng và công trình phụ. Năm 2009, vợ chồng ông Lự sửa lại nhà (thay mái broximăng bằng mái bê tông), năm 2010 xây dựng tường bao phía sau đất và sử dụng ổn định cho đến nay.

Năm 1995, ông Viên kết hôn với bà Vũ Thị Huyền và được hai cụ cho sử dụng 02 gian bếp. Lúc này, trên thửa đất số 645 có vợ chồng ông Viên sinh sống ở phần đất phía Đông, vợ chồng ông Lự sống ở phần đất phía Tây; cụ Chiến, cụ Nồn sinh sống ở phần đất ở giữa. Đến năm 1997, do chỗ ở chật chội nên vợ chồng ông Viên đã cùng với hai cụ xây dựng 01 ngôi nhà 02 gian lợp ngói, dài 05m, rộng khoảng 03m. Năm 2020, ngôi nhà và bếp xuống cấp nên vợ chồng ông Viên đã phá dỡ và xây dựng 01 ngôi nhà mái bằng bê tông dài khoảng 11,7m, rộng 07m, đồng thời xây dựng tường bao ngăn cách với phần đất ở giữa (nơi có ngôi nhà 03 gian của hai cụ) và sử dụng ổn định cho đến nay.

Trong quá trình vợ chồng ông Lự, vợ chồng ông Viên xây dựng nhà ở, công trình xây dựng khác trên phần đất được bố mẹ cho như nêu trên, anh chị em trong gia đình đều biết nhưng không ai có ý kiến gì, còn các con của ông Lự, bà Xanh và các con của ông Viên, bà Huyền đều còn nhỏ nên không có công sức đóng góp gì.

Tháng 5 năm 2002, vì tuổi cao, sức yếu nên cụ Chiến, cụ Nồn đã bàn giao lại toàn bộ sổ sách, giấy tờ đất cho ông Th để ông Th cùng hai cụ quản lý công việc của gia đình.

Năm 2015, cụ Nồn khi đó còn minh mẫn, khỏe mạnh đã phân chia đất cho ông Lự và ông Viên; cụ Nồn có nhờ Ban chỉ huy thôn Đồn Dưới (nay là thôn Đồn Nam) đo thực tế theo khuôn viên đất mà vợ chồng ông Lự và vợ chồng ông Viên đã xây nhà từ trước.

Sau khi đo đạc, xác định phần đất chia cho ông Lự 166,60m², ông Viên 154,0m² (hai phần đất này nằm ở hai bên của thửa đất số 645), còn phần đất ở giữa (nơi có ngôi nhà 03 gian của hai cụ), cụ Nôn vẫn ở.

Việc cụ Nôn chia đất cho ông Lự và ông Viên đã được ghi nhận tại “Biên bản sắc nhận ngày 05 tháng 01 năm 2015, do ông Lê Tất Lân (Chi ủy viên) là người L biên bản; có chữ ký của ông Lự, ông Th, ông L, bà Huyền (ký thay chồng là ông Viên); chữ ký của ông Nguyễn Tiến Trọng - Trưởng thôn và ông Nguyễn Thụ Quang - Bí thư Chi bộ thôn; cụ Nôn do không biết chữ nên đã điểm chỉ ở cuối biên bản. Biên bản trên không có chữ ký của bà Ráp, bà Tâm, ông Viên, ông Ng là do bà Ráp, bà Tâm ở xa không về được, còn ông Viên đã có vợ là bà Huyền ký thay.

Ngày 05 tháng 11 năm 2018, sau khi cụ Nôn chết, anh em trong gia đình đã họp thống nhất để lại phần đất ở giữa làm nơi thờ cúng bố mẹ và liệt sỹ Lê Tất Thao và L Biên bản họp gia đình, có chữ ký của anh em trong gia đình gồm ông Lự, ông Th, ông L, ông Ng, bà Tâm; đại diện chính quyền địa phương là ông Nguyễn Tiến Trọng - Trưởng thôn và ông Nguyễn Thụ Quang - Bí thư chi bộ thôn. Biên bản trên không có chữ ký của ông Viên và bà Ráp là do ông Viên bỏ về không ký vì ông L, ông Ng đòi bán phần đất ở giữa (nơi có ngôi nhà 03 gian của hai cụ), còn bà Ráp ở xa không về được.

Khi còn sống cụ Chiến, cụ Nôn chỉ chia đất cho ông Lự, ông Viên mà không chia cho những người con khác là vì năm 1982, hai cụ đã mua cho ông L 480m² đất của UBND xã Vinh Quang (ở thôn Đồn Nam, xã Vinh Quang), ông L xây dựng nhà cửa ở đó, đến năm 2000 ông L đổi đất trên cho ông Th. Ông Th, ông Ng mặc dù không được bố mẹ cho đất, nhưng được Nhà nước cấp đất; ông Ng, ông L và các chị em gái đều được bố mẹ cho tiền khi xây dựng nhà.

Từ khi được hai cụ cho đất, vợ chồng ông Lự, vợ chồng ông Viên đã xây dựng nhà ở, công trình xây dựng khác và sinh sống trên diện tích đất được hai cụ cho đến nay. Đối với phần diện tích đất ở giữa (nơi có ngôi nhà 03 gian của hai cụ), sau khi cụ Chiến chết thì cụ Nôn trực tiếp quản lý, sử dụng; năm 2018, cụ Nôn chết thì không còn ai quản lý; tuy nhiên ông Th, ông Lự, ông Viên vẫn cùng nhau trông nom đất. Sau khi cụ Nôn chết, do ngôi nhà 03 gian xuống cấp nên anh em trong gia đình đã cùng nhau sửa lại nền nhà, làm tường rào, đổ cát xây dựng lại sân, tổng chi phí khoảng hơn 30 triệu đồng (tiền là do bà Tâm, bà Ráp đóng góp, còn các anh em trai bỏ công sức cùng nhau xây dựng). Đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn do ông L đòi về quản lý, trông coi ngôi nhà 03 gian của hai cụ để lại, nhưng ông Th, ông Lự, ông Viên không đồng ý, vì ông L đã có đất ở riêng và sinh sống ở miền Nam. Ông L nói với anh em muốn xây dựng nhà thờ để thờ cúng bố mẹ và liệt sỹ Thao trên phần đất ở giữa của thửa đất số 645, nhưng mục đích của ông L là muốn chiếm phần đất này.

Đối với diện tích đất nông nghiệp thuộc các thửa đất số 53, 12, tờ bản đồ số 09: Khi còn sống, cụ Chiến, cụ Nôn đã cho ông Lự 01 phần có diện tích là 312,0m² tại thửa đất số 53, sau đó ông Lự đăng ký biến động đất tại UBND xã Vinh Quang. Đến ngày 20 tháng 4 năm 1995, ông Lự đã được UBND huyện Tiên

Lăng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 312,0m² đất nông nghiệp. Phần diện tích đất nông nghiệp này ở phía sau phần đất ở, đất vườn tạp của ông Lữ được cụ Chiến, cụ Nôn cho. Phần diện tích đất nông nghiệp còn lại của cụ Chiến, cụ Nôn do vợ chồng ông Viên quản lý, gồm: 01 phần ở phía sau phần đất ở, đất vườn tạp của ông Viên được hai cụ cho; 01 phần ở phía sau đất ông Quy và 01 phần ở ngoài đồng thuộc thôn Đồn Nam, xã Vinh Quang.

Nay, ông Ng, ông L yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Chiến, cụ Nôn theo pháp luật đối với toàn bộ thửa đất số 645 và đất nông nghiệp của hai cụ, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn và yêu cầu:

Đối với phần đất ở giữa (có ngôi nhà 03 gian của hai cụ) do khi còn sống hai cụ chưa cho ai nên để lại làm nơi thờ cúng hai cụ và liệt sỹ Lê Văn Thao. Đối với phần đất ở, đất vườn tạp và phần đất nông nghiệp vợ chồng ông Lữ, vợ chồng ông Viên đang quản lý, khi còn sống hai cụ đã cho ông Lữ, ông Viên, ngày 17 tháng 9 năm 2024, ông Lữ, ông Viên đã có đơn yêu cầu phân tố. Vì vậy, phía bị đơn đề nghị Tòa án công nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Lữ, vợ chồng ông Viên đối với diện tích đất ở, đất vườn tạp, đất nông nghiệp nêu trên.

Với nội dung vụ án như trên, Bản án số 02/2025/DS-ST ngày 13 tháng 02 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế của cụ Lê Tất Chiến, cụ Nguyễn Thị Nôn theo pháp luật đối với 387,50m² đất ở, đất vườn tạp thuộc thửa đất số 645, tờ bản đồ số 22 và tài sản gắn liền với đất; 1.098,70m² đất nông nghiệp (gồm 925,70m², ở phía sau thửa đất số 645 và 173,0m², ở ngoài đồng thôn Đồn Nam); tại địa chỉ: Thôn Đồn Nam, xã Vinh Quang, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng;

Chấp nhận một phần yêu cầu phân tố của bị đơn: Công nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Lê Tất Lữ, bà Trần Thị Xanh đối với 166,60m² đất ở, đất vườn tạp, của vợ chồng ông Lê Tất Viên, bà Vũ Thị Huyền đối với 154,0m² đất ở, đất vườn tạp (tại thửa đất số 645, tờ bản đồ số 22). Cụ thể:

Chia cho ông Lê Văn Th được sở hữu, sử dụng 111,50m² đất ở, đất vườn tạp (S8), gồm các mốc 11, 29, 30, 8, 9, 11 và tài sản gắn liền với phần đất ông Th được chia gồm: 01 (Một) bể nước nổi có nắp BTĐ, lán tôn cũ, 1/3 hàng rào hoa sắt tạp, 1/3 lưới B40 có khung, 1/3 sân lát gạch chỉ, 1/3 sân BTĐ và 61,60m² đất nông nghiệp tiếp giáp với phần đất ở, đất vườn tạp ông Th được chia (S9), gồm các mốc 9, 8, 30, 31, 17, 24, 9.

Chia cho ông Lê Xuân Ng, ông Lê Tất L, bà Lê Thị Tâm, bà Lê Thị Ráp được sở hữu, sử dụng chung 198,80m² đất ở, đất vườn tạp (S2), gồm các mốc 29, 12, 28, 26, 30, 29 và tài sản gắn liền với phần đất ông Ng, ông L, bà Tâm, bà Ráp được chia gồm 2/3 ngôi nhà 01 tầng mái ngói tường 110 không khu phụ, 2/3 hàng rào hoa sắt tạp, 2/3 lưới B40 có khung, 2/3 sân lát gạch chỉ, 2/3 sân BTĐ.

Ông Ng, ông L, bà Tâm, bà Ráp phải có trách nhiệm tháo dỡ toàn bộ phần ngôi nhà 01 tầng mái ngói tường 110 không khu phụ để trả lại diện tích đất được chia cho ông Th.

Chia cho vợ chồng ông Lê Tất Lự, bà Trần Thị Xanh được sở hữu, sử dụng 331,70m² đất ở, đất vườn tạp (S1), gồm các mốc 1, 2, 3, 11, 9, 10, 1 và tài sản gắn liền với đất do vợ chồng ông Lự, bà Xanh xây dựng và 266,40m² đất nông nghiệp tiếp giáp với phần đất ở, đất vườn tạp vợ chồng ông Lự được chia (S5), gồm các mốc 10, 9, 24, 17, 18, 19, 23, 22, 10.

Chia cho vợ chồng ông Lê Tất Viên, bà Vũ Thị Huyền được sở hữu, sử dụng 66,10m² đất ở, đất vườn tạp (S3), gồm các mốc 12, 4, 5, 6, 27, 7, 26, 28, 12 và tài sản gắn liền với đất do vợ chồng ông Viên xây dựng; 148,10m² đất nông nghiệp tiếp giáp phần đất ở, đất vườn tạp vợ chồng ông Viên được chia (S7) gồm các mốc 12, 13, 14, 15, 27, 6, 5, 4, 12; 247,10m² đất nông nghiệp, ở phía sau phần đất ở, đất vườn tạp vợ chồng ông Viên được chia (S6) gồm các mốc 30, 26, 7, 27, 15, 16, 31, 30; 202,50m² đất nông nghiệp (S4) gồm các mốc 21, 22, 23, 19, 20, 21 (ở phía sau đất ông Quy) và 173,0m² đất nông nghiệp, ở ngoài đồng thôn Đồn Nam, gồm các mốc 1, 2, 3, 6, 1.

(Diện tích đất phân chia cho các đương sự như nêu trên, có sơ đồ kèm theo).

Vợ chồng ông Lê Tất Lự, bà Trần Thị Xanh phải thanh toán số tiền chênh lệch về tài sản cho vợ chồng ông Lê Tất Viên, bà Vũ Thị Huyền là 1.760.029.000 (một tỷ bảy trăm sáu mươi triệu không trăm hai mươi chín nghìn) đồng. Ông Lê Văn Th phải thanh toán số tiền chênh lệch về tài sản cho ông vợ chồng ông Lê Tất Viên, bà Vũ Thị Huyền là 430.347.000 (Bốn trăm ba mươi triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn) đồng; thanh toán số tiền chênh lệch về di sản cho ông Lê Xuân Ng, ông Lê Tất L, bà Lê Thị Ráp, bà Lê Thị Tâm mỗi người là 114.222.000 (một trăm mười bốn triệu hai trăm hai mươi hai nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và những người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu những người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi suất, theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Lự đối với 312,0m² đất nông nghiệp ở phía sau phần đất ở, đất vườn tạp (166,60m²), của vợ chồng ông Viên đối với phần đất nông nghiệp ở phía sau phần đất ở, đất vườn tạp và phần đất nông nghiệp ở ngoài đồng, thuộc thôn Đồn Nam, xã Vinh Quang, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

3. Các đương sự được phân chia đất ở, đất vườn tạp, đất nông nghiệp như nêu trên có nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Kiến nghị UBND xã Vinh Quang, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng xem xét xử lý vi phạm hành chính đối với vợ chồng ông Lê Tất Viên, bà Vũ Thị

Huyên về hành vi sử dụng đất nông nghiệp không đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25 tháng 02 năm 2025, ông Lê Xuân Ng, ông Lê Tất L kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Lý do kháng cáo:

Bản án sơ thẩm quyết định phân chia diện tích đất cho các hàng thừa kế không công bằng. Bản án sơ thẩm công nhận “Biên bản sắc nhận” ngày 05 tháng 01 năm 2015, công nhận cụ Lê Tất Chiến và Nguyễn Thị Nôn đã cho ông Lưu Tất L 166,6m² và ông Lưu Tất Viên 154m² đất ở, vườn tạp là không có cơ sở vì không có đủ thành phần là các con của cụ Chiến và cụ Nôn tham gia.

Bản án sơ thẩm chia diện tích đất ở và vườn tạp sau khi trừ diện tích đất cụ Nôn cho ông Viên 154m² và ông L 166m², sau đó mới chia đều cho các hàng thừa kế là không đúng. Đề nghị chia di sản thừa kế của cụ Chiến, cụ Nôn đối với diện tích 720m² đất ở, đất vườn tạp thuộc thửa đất số 645, tờ bản đồ số 22 và tài sản gắn liền với đất và diện tích 1098,7m² đất nông nghiệp (gồm 925,7m² ở phía sau thửa đất số 645 và diện tích 173m² diện tích đất nông nghiệp ở ngoài đồng Đồn Nam); đề nghị phân chia thừa kế bằng hiện vật, chia cho các đồng thừa kế đều được hưởng diện tích đất mặt đường 212.

Về diện tích đất nông nghiệp: Bản án sơ thẩm không chia phần diện tích đất trên cho các đồng thừa kế mà lại công nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông L, bà Xanh, ông Viên, bà Huyền là không đúng. Các đồng thừa kế khác không được chia phần diện tích đất nông nghiệp là không công bằng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm về việc nội dung nhận định đánh giá tính hợp pháp của “Biên bản sắc nhận” ngày 05 tháng 01 năm 2015, tuy nhiên vẫn giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Đây là tranh chấp về thừa kế tài sản. Nơi có di sản thừa kế là huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, vụ án được Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] Xác định tính hợp lệ của kháng cáo: Yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là ông Lê Xuân Ng, ông Lê Tất Lập đối với toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm, theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Xét thấy, người kháng cáo đã có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự không có kháng cáo tại phiên toà lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

- Về nội dung:

[4] Về di sản thừa kế của cụ Lê Tất Chiến và cụ Nguyễn Thị Nồn là diện tích đất ở, đất vườn tạp sau khi xem xét thẩm định tại chỗ, xác định là 708,1m² (thửa 645), địa chỉ: Thôn Đồn Dưới (nay là thôn Đồn Nam), xã Vinh Quang, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng, và diện tích đất nông nghiệp diện tích 173m² ngoài đồng thôn Đồn Nam và 925,7m² ở xứ đồng Chân Cù Vườn (phía sau thửa đất 645). Đây là sự kiện đã được các đương sự thừa nhận và phù hợp với tài liệu xác minh tại chính quyền địa phương nên không phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã xác nhận cụ Chiến và cụ Nồn có 09 người con gồm: Lê Văn Th, Lê Xuân Ng, Lê Tất L, Lê Tất Viên, Lê Tất Lự, Lê Thị Ráp, Lê Thị Tâm, Lê Văn Thao, Lê Thị Nhẫn. Trong đó ông Lê Văn Thảo là liệt sĩ, chưa có vợ con, bà Lê Thị Nhẫn chết từ khi còn nhỏ. Cụ Chiến chết năm 2002 và cụ Nồn chết năm 2018.

[5] Đối với “Biên bản sắc nhận” đề ngày 05 tháng 01 năm 2015 do bị đơn cung cấp có nội dung cụ Nồn chia cho ông Lự diện tích 166,6m² và chia cho ông Viên diện tích 154m² trong thửa đất 645: Xét thấy thời điểm cụ Nồn L văn bản này, cụ Chiến đã chết. Biên bản có điểm chỉ của cụ Nồn, chữ ký của các thành viên trong gia đình gồm: Ông Th, ông Lự, ông L, bà Huyền (là vợ của ông Viên); chữ ký của người làm chứng là ông Nguyễn Tiến Trọng - Trưởng thôn và ông Nguyễn Thụ Quang - Bí thư Chi bộ thôn. Biên bản do ông Lê Tất Lân (Chi ủy viên thôn) là người L biên bản. Cấp sơ thẩm đã tiến hành việc ghi ý kiến của ông Lê Tất Lân, ông Nguyễn Tiến Trọng và ông Nguyễn Thụ Quang, họ đều xác nhận sự việc và tại thời điểm L văn bản cụ Nồn còn khỏe và minh mẫn. Như nhận định ở trên, diện tích đất 708,1m² tại thửa 645 và 925,7m² đất nông nghiệp là tài sản chung của cụ Chiến và cụ Nồn, nên mỗi cụ có quyền định đoạt ½ tài sản của mình. Mỗi cụ có quyền sử dụng diện tích 354,05m² đất ở, vườn tạp và 549,35m² đất nông nghiệp.

Thời điểm cụ Nồn L biên bản tặng cho quyền sử dụng đất đối với ông Lự và ông Viên tại thửa 645 thì cụ Chiến đã chết nhưng hàng thừa kế của cụ Chiến là bà Ráp, bà Tâm, ông Viên, ông Ng không tham gia đầy đủ, không ký tên đầy đủ vào Biên bản nên không có căn cứ xác định cụ Chiến đã định đoạt phần tài sản của cụ Chiến cho ông Lự và ông Viên. Việc cụ Nồn tự định đoạt cả phần tài sản thừa

kế của cụ Chiến là vượt quá phạm vi định đoạt của mình. Bản án sơ thẩm nhận định “Biên bản sắc nhận” ngày 05 tháng 01 năm 2015 là hợp pháp và kết luận cụ Chiến và cụ Nồn đã tặng cho ông Lựu $166,6\text{m}^2$, ông Viên 154m^2 đất ở, vườn tạp là không đúng quy định của luật. Tại thời điểm cụ Nồn L “Biên bản sắc nhận” là minh mẫn và tỉnh táo nên có căn cứ xác định ý chí của cụ Nồn đã cho ông Lựu và ông Viên phần tài sản của cụ. Tổng diện tích cụ Nồn đã tặng cho ông Lựu và ông Viên là $166,6\text{m}^2 + 154\text{m}^2 = 320,6\text{m}^2$, nhỏ hơn diện tích đất thuộc quyền định đoạt của cụ Nồn nên hợp pháp.

[6] Về phân chia di sản thừa kế của cụ Chiến và cụ Nồn:

[6.1] Phân chia di sản thừa kế của cụ Chiến: Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Chiến gồm: Cụ Nồn, ông Th, bà Ráp, ông Ng, ông L, ông Lựu, bà Tâm, ông Viên. Di sản thừa kế của cụ Chiến là quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ thửa đất số 645 là $354,05\text{m}^2$ đất ở, vườn tạp và $\frac{1}{2}$ diện tích đất nông nghiệp là $549,35\text{m}^2$. Ông Lựu, ông Viên và cụ Nồn đã sinh sống trên mảnh đất từ trước đây, có công dâng L đất, xây dựng nhà cửa và các công trình khác, nên cấp sơ thẩm nhận định cụ Nồn được hưởng công sức bằng 01 suất thừa kế đất ở; ông Lựu và ông Viên được hưởng chung 01 suất thừa kế về công sức bảo quản di sản là đất nông nghiệp là phù hợp. Di sản của cụ Chiến được chia cho 09 phần, cụ thể như sau: diện tích đất ở, vườn tạp là: $354,05\text{m}^2 : 9 = 39,34\text{m}^2$; diện tích đất nông nghiệp là: $549,35\text{m}^2 : 9 = 61,03\text{m}^2$. Như vậy, các hàng thừa kế được hưởng di sản của cụ Chiến như sau: Cụ Nồn được hưởng như sau: diện tích đất ở: $39,34\text{m}^2 \times 2 = 78,67\text{m}^2$; diện tích đất nông nghiệp: $61,03\text{m}^2$; ông Toạn, bà Ráp, ông Ng, ông L, bà Tâm mỗi người được hưởng diện tích đất ở $39,34\text{m}^2$ và đất nông nghiệp $61,03\text{m}^2$; ông Lựu, ông Viên mỗi người được hưởng diện tích đất ở $39,34\text{m}^2$; diện tích đất nông nghiệp: $61,03\text{m}^2 + (61,03\text{m}^2 : 2) = 91,54\text{m}^2$.

[6.2] Phân chia di sản thừa kế của cụ Nồn: Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nồn gồm: Ông Th, bà Ráp, ông Ng, ông L, ông Lựu, bà Tâm, ông Viên. Di sản thừa kế của cụ Nồn gồm: Diện tích đất ở, vườn tạp là: $(354,05\text{m}^2 - 166,6\text{m}^2 - 154\text{m}^2) + 78,67\text{m}^2 = 112,12\text{m}^2$; diện tích đất nông nghiệp là $549,35\text{m}^2$. Cụ Nồn ở trên đất cho đến lúc chết vào năm 2015, cụ Nồn và cụ Chiến đã xây dựng nhà cửa trên đất. Sau khi cụ Nồn chết, ông Lựu và ông Viên cũng không sống trên phần đất có nhà của cụ, không xây sửa nhà cửa, công trình gì trên đất nên không tính công sức của ông Lựu, ông Viên đối với phần đất của cụ Nồn là phù hợp. Di sản thừa kế của cụ Nồn được chia làm 07 phần, cụ thể là: diện tích đất ở, vườn tạp: $112,12\text{m}^2 : 7 = 16,01\text{m}^2$; diện tích đất nông nghiệp là: $549,35\text{m}^2 : 7 = 87,2\text{m}^2$. Theo đó ông Th, bà Ráp, ông Ng, ông L, ông Lựu, bà Tâm, ông Viên mỗi người được hưởng: $16,01\text{m}^2$ đất ở và $87,2\text{m}^2$ đất nông nghiệp.

[6.3] Như vậy, phần di sản của cụ Chiến, cụ Nồn mà ông Th, bà Ráp, ông Ng, ông L, bà Tâm được hưởng như sau: Diện tích đất ở, vườn tạp: $39,34\text{m}^2 + 16,01\text{m}^2 = 55,35\text{m}^2$; diện tích đất nông nghiệp: $61,03\text{m}^2 + 87,2\text{m}^2 = 148,23\text{m}^2$.

Phần đất ông Lựu được hưởng: Diện tích đất ở, vườn tạp: $166,6\text{m}^2 + 39,34\text{m}^2 + 16,01\text{m}^2 = 221,95\text{m}^2$; diện tích đất nông nghiệp: $91,54\text{m}^2 + 87,2\text{m}^2 =$

178,74m². Phần đất ông Viên được hưởng: Diện tích đất ở, vườn tạp là: 154m² + 39,34m² + 16,01m² = 209,34m²; diện tích đất nông nghiệp là: 178,75m².

[6.4] Sau khi chia di sản thừa kế, kết quả chỉ chênh lệch 0,01m² đến 0,02m² so với kết quả phân chia di sản thừa kế của bản án sơ thẩm. Vì vậy, thấy không cần thiết phải sửa lại kết quả phân chia di sản thừa kế và thanh toán giá trị di sản chênh lệch di sản của bản án sơ thẩm. Về di sản là các tài sản trên đất, bản án sơ thẩm đã nhận định đúng và đầy đủ nên phúc thẩm không xem xét lại.

[7] Đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn đề nghị phân chia đều diện tích đất nông nghiệp: Thấy rằng ông Viên được cụ Nỗn tặng cho và được hưởng thừa kế đối với diện tích đất ở, vườn tạp là 209,34m², tuy nhiên ông Viên mới xây nhà trên diện tích 66,1m² đất ở, nên còn thiếu 143,24m² đất ở, vườn tạp. Giá trị quyền sử dụng đất ở, vườn tạp còn thiếu là: 143,24m² x 16.000.000đ/m² = 2.339.840.000 đồng. Trong khi đó, giá trị quyền sử dụng đất nông nghiệp chỉ là 139.000 đồng/m² đối với đất nông nghiệp ngoài đồng Đồn Nam và 222.000 đồng/m² đối với đất nông nghiệp phía sau thửa đất số 645. Tổng giá trị toàn bộ diện tích đất nông nghiệp còn lại, gồm: diện tích 247,10m² ở phía sau phần đất ở, đất vườn tạp vợ chồng ông Viên được chia; diện tích 148,10m² (vợ chồng ông Viên đã xây dựng một phần nhà ở trên phần đất này); diện tích 202,50m² ở phía sau đất ông Quy và 173,0m² ở ngoài đồng thôn Đồn Nam, xã Vinh Quang là: 156.736.400 đồng, vẫn còn thiếu rất nhiều so với giá trị mà ông Viên được hưởng. Vì vậy, bản án sơ thẩm giao cho ông Viên được sử dụng các diện tích đất nông nghiệp nói trên là phù hợp. Ông Lự thực tế sử dụng diện tích đất nông nghiệp 266,4m² phía sau phần đất ở nên được chia cho phần đất nông nghiệp này là phù hợp với thực tế sử dụng. Vì vậy, mặc dù diện tích đất nông nghiệp là di sản thừa kế của cụ Chiến, cụ Nỗn lớn nhưng không còn đủ để phân chia bằng hiện vật cho các đồng thừa kế, yêu cầu phân chia đất nông nghiệp bằng hiện vật của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận.

[8] Từ những phân tích nêu trên, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm về việc nội dung nhận định đánh giá tính hợp pháp của “Biên bản sắc nhận” ngày 05 tháng 01 năm 2015, giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn Ng, ông Lê Tất L được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, **Điều 148**, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166, Điều 296, khoản 1 **Điều 308** của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Văn Ng và ông Lê Tất L về nội dung “Biên bản xác nhận” ngày 05 tháng 01 năm 2015.

2. Giữ nguyên Quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 02/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng:

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế của cụ Lê Tất Chiến, cụ Nguyễn Thị Nôn theo pháp luật đối với 387,50m² đất ở, đất vườn tạp thuộc thửa đất số 645, tờ bản đồ số 22 và tài sản gắn liền với đất; 1.098,70m² đất nông nghiệp (gồm 925,70m², ở phía sau thửa đất số 645 và 173,0m², ở ngoài đồng thôn Đồn Nam); tại địa chỉ: Thôn Đồn Nam, xã Vinh Quang, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng;

2.2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn: Công nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Lê Tất Lự, bà Trần Thị Xanh đối với 166,60m² đất ở, đất vườn tạp, của vợ chồng ông Lê Tất Viên, bà Vũ Thị Huyền đối với 154,0m² đất ở, đất vườn tạp (tại thửa đất số 645, tờ bản đồ số 22). Cụ thể:

2.2.1. Chia cho ông Lê Văn Th được sở hữu, sử dụng 111,50m² đất ở, đất vườn tạp (S8), gồm các mốc 11, 29, 30, 8, 9, 11 và tài sản gắn liền với phần đất ông Th được chia gồm: 01 (Một) bể nước nổi có nắp BTĐ, lán tôn cũ, 1/3 hàng rào hoa sắt tạp, 1/3 lưới B40 có khung, 1/3 sân lát gạch chỉ, 1/3 sân BTĐ và 61,60m² đất nông nghiệp tiếp giáp với phần đất ở, đất vườn tạp ông Th được chia (S9), gồm các mốc 9, 8, 30, 31, 17, 24, 9.

2.2.2. Chia cho ông Lê Xuân Ng, ông Lê Tất L, bà Lê Thị Tâm, bà Lê Thị Ráp được sở hữu, sử dụng chung 198,80m² đất ở, đất vườn tạp (S2), gồm các mốc 29, 12, 28, 26, 30, 29 và tài sản gắn liền với phần đất ông Ng, ông L, bà Tâm, bà Ráp được chia gồm 2/3 ngôi nhà 01 tầng mái ngói tường 110 không khu phụ, 2/3 hàng rào hoa sắt tạp, 2/3 lưới B40 có khung, 2/3 sân lát gạch chỉ, 2/3 sân BTĐ.

2.2.3. Ông Ng, ông L, bà Tâm, bà Ráp phải có trách nhiệm tháo dỡ toàn bộ phần ngôi nhà 01 tầng mái ngói tường 110 không khu phụ để trả lại diện tích đất được chia cho ông Th.

2.2.4. Chia cho vợ chồng ông Lê Tất Lự, bà Trần Thị Xanh được sở hữu, sử dụng 331,70m² đất ở, đất vườn tạp (S1), gồm các mốc 1, 2, 3, 11, 9, 10, 1 và tài sản gắn liền với đất do vợ chồng ông Lự, bà Xanh xây dựng và 266,40m² đất nông nghiệp tiếp giáp với phần đất ở, đất vườn tạp vợ chồng ông Lự được chia (S5), gồm các mốc 10, 9, 24, 17, 18, 19, 23, 22, 10.

2.2.4. Chia cho vợ chồng ông Lê Tất Viên, bà Vũ Thị Huyền được sở hữu, sử dụng 66,10m² đất ở, đất vườn tạp (S3), gồm các mốc 12, 4, 5, 6, 27, 7, 26, 28, 12 và tài sản gắn liền với đất do vợ chồng ông Viên xây dựng; 148,10m² đất nông nghiệp tiếp giáp phần đất ở, đất vườn tạp vợ chồng ông Viên được chia (S7) gồm

các mốc 12, 13, 14, 15, 27, 6, 5, 4, 12; 247,10m² đất nông nghiệp, ở phía sau phần đất ở, đất vườn tạp vợ chồng ông Viên được chia (S6) gồm các mốc 30, 26, 7, 27, 15, 16, 31, 30; 202,50m² đất nông nghiệp (S4) gồm các mốc 21, 22, 23, 19, 20, 21 (ở phía sau đất ông Quy) và 173,0m² đất nông nghiệp, ở ngoài đồng thôn Đồn Nam, gồm các mốc 1, 2, 3, 6, 1.

(Diện tích đất phân chia cho các đương sự như nêu trên, có sơ đồ kèm theo).

2.2.5. Vợ chồng ông Lê Tất Lự, bà Trần Thị Xanh phải thanh toán số tiền chênh lệch về tài sản cho vợ chồng ông Lê Tất Viên, bà Vũ Thị Huyền là 1.760.029.000 (Một tỷ bảy trăm sáu mươi triệu không trăm hai mươi chín nghìn) đồng. Ông Lê Văn Th phải thanh toán số tiền chênh lệch về tài sản cho ông vợ chồng ông Lê Tất Viên, bà Vũ Thị Huyền là 430.347.000 (Bốn trăm ba mươi triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn) đồng; thanh toán số tiền chênh lệch về di sản cho ông Lê Xuân Ng, ông Lê Tất L, bà Lê Thị Ráp, bà Lê Thị Tâm mỗi người là 114.222.000 (Một trăm mười bốn triệu hai trăm hai mươi hai nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và những người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu những người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi suất, theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

2.3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Lự đối với 312,0m² đất nông nghiệp ở phía sau phần đất ở, đất vườn tạp (166,60m²), của vợ chồng ông Viên đối với phần đất nông nghiệp ở phía sau phần đất ở, đất vườn tạp và phần đất nông nghiệp ở ngoài đồng, thuộc thôn Đồn Nam, xã Vinh Quang, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

2.4. Các đương sự được phân chia đất ở, đất vườn tạp, đất nông nghiệp như nêu trên có nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2.5. Kiến nghị UBND xã Vinh Quang, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng xem xét xử lý vi phạm hành chính đối với vợ chồng ông Lê Tất Viên, bà Vũ Thị Huyền về hành vi sử dụng đất nông nghiệp không đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Xuân Ng và ông Lê Tất L được miễn nộp án phí.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hải Phòng;
- TAND huyện Tiên Lãng;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hồ Điệp